

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

ĐƠN VỊ: KHOA NGOẠI NGỮ

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nhập môn ngành		
Mã học phần:	71CHIN30222	Số tin chỉ:	02
Mã nhóm lớp học phần:	71K30NNTQ01, 71K30NNTQ02, 71K30NNTQ03, 71K30NNTQ04, 71K30NNTQ05		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:		60 phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	☐ Có	☒ Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Nhận diện được ngữ âm, hán tự của ngôn ngữ Trung Quốc	Trắc nghiệm + Tự Luận	20%	Trắc nghiệm: từ câu 1- câu 28 Tự luận: câu 1	7	PI2.1
CLO2	Trình bày được nguồn gốc của hán tự, có hiểu biết sơ lược về lịch sử, văn hoá, xã hội hiện tại Trung Quốc	Trắc nghiệm + Tự Luận	80%		3	PI2.2

PHẦN TRẮC NGHIỆM: (28 câu *0.25 điểm = 7 điểm)

1. Tiếng Trung có mấy thanh điệu?

- A. 4 thanh
- B. 2 thanh
- C. 3 thanh
- D. 6 thanh

ANSWER: A

2. Âm tiết nào dưới đây có thanh 1?

- A. mā
- B. má
- C. mǎ
- D. mà

ANSWER: A

3. Hai âm tiết có thanh điệu nào đứng cạnh nhau thì xảy ra hiện tượng biến âm?

- A. Thanh 3 đứng trước thanh 3
- B. Thanh 1 đứng trước thanh 1
- C. Thanh 2 đứng trước thanh 2
- D. Thanh 4 đứng trước thanh 4

ANSWER: A

4. Âm tiết “Bù (不)” đứng trước âm tiết mang thanh mấy thì đổi cách đọc thành “Bú”?

- A. Đứng trước thanh 4
- B. Đứng trước thanh 1
- C. Đứng trước thanh 2
- D. Đứng trước thanh 3

ANSWER: A

5. Nhóm phụ âm nào dưới đây là phụ âm mặt lưỡi?

- A. j, q, x
- B. b, p, m, f
- C. d, t, n, l

D. zh, ch, sh, r

ANSWER: A

6. Nhóm vận mẫu nào dưới đây không kết hợp được với nhóm thanh mẫu “z, c, s”

A. ia, ie, iao, iou

B. a, i, e, u

C. an, en, ang, eng

D. ua, uo, uai, uei

ANSWER: A

7. Âm tiết nào dưới đây có cách phát âm khác với âm tiết khác?

A. jù

B. bù

C. gù

D. zhù

ANSWER: A

8. Âm tiết nào dưới đây có cách phát âm khác với âm tiết khác?

A. kūn

B. jūn

C. qūn

D. xūn

ANSWER: A

9. Cách nói nào sau đây không chính xác?

A. Vận mẫu “ueng” khi kết hợp với thanh mẫu thì được viết thành “ung”

B. Vận mẫu “iou” khi kết hợp với thanh mẫu thì được viết thành “iu”

C. Vận mẫu “uei” khi kết hợp với thanh mẫu thì được viết thành “ui”

D. Vận mẫu “uen” khi kết hợp với thanh mẫu thì được viết thành “un”

ANSWER: A

10. Phiên âm latin của chữ “汉语” là gì?

A. Hànyǔ

B. Hànyǔ

C. Hàngyǔ

D. Hàngyǔǐ

ANSWER: A

11. Phiên âm latinh của chữ“好”là gì?

A. Hǎo

B. Lǎo

C. Xiǎo

D. Nǚzi

ANSWER: A

12. Nhóm phụ âm nào dưới đây là phụ âm bật hơi?

A. q, c, ch

B. j, z, zh

C. x, s, sh

D. b, m, f

ANSWER: A

13. Có mấy quy tắc bút thuận trong tiếng Trung?

A. 7 quy tắc

B. 5 quy tắc

C. 6 quy tắc

D. 8 quy tắc

ANSWER: A

14. Chữ Hán nào dưới đây có nét biến thể?

A. 口

B. 大

C. 小

D. 三

ANSWER: A

15. Chữ Hán nào dưới đây có nét “ngang gấp gấp gấp móc”

A. 乃

B. 飞

C. 水

D. 九

ANSWER: A

16. Chữ Hán nào dưới đây có nét “phẩy chấm”?

A. 女

B. 男

C. 老

D. 少

ANSWER: A

17. Chữ “好” có mấy nét?

A. 6 nét

B. 5 nét

C. 7 nét

D. 8 nét

ANSWER: A

18. Chữ “语” có mấy nét?

A. 9 nét

B. 6 nét

C. 7 nét

D. 8 nét

ANSWER: A

19. Thứ tự trước sau chính xác các nét của chữ“边”là:

- A. Ngang gấp móc, phẩy, chấm, ngang phẩy cong móc, móc
- B. Phẩy, ngang gấp móc, chấm, ngang phẩy cong móc, móc
- C. Chấm, ngang phẩy cong móc, móc, ngang gấp móc, phẩy
- D. Chấm, ngang phẩy cong móc, móc, phẩy, ngang gấp móc

ANSWER: A

20. Thứ tự trước sau chính xác các nét của chữ“园”là:

- A. Sỏ, ngang gấp móc, ngang, ngang, phẩy, sỏ cong móc, ngang
- B. Sỏ, ngang gấp móc, ngang, ngang, ngang, phẩy, sỏ cong móc
- C. Ngang, ngang, phẩy, sỏ cong móc, sỏ, ngang gấp móc, ngang
- D. 3 cách viết trên đều sai

ANSWER: A

21. Bộ thủ nào dưới đây là bộ thủy?

- A. 冫
- B. 冫
- C. 彡
- D. 川

ANSWER: A

22. Bộ thủ nào dưới đây là bộ nhân?

- A. 人
- B. 入
- C. 八
- D. 几

ANSWER: A

23. Chữ Hán nào dưới đây thuộc phương pháp tạo chữ hình thanh?

- A. 河
- B. 田
- C. 向
- D. 风

ANSWER: A

24. Nhóm chữ Hán nào có kết cấu trên dưới?

- A. 家
- B. 你
- C. 月
- D. 国

ANSWER: A

25. Quy tắc bút thuận nào sau đây là sai?

- A. Trong trước ngoài sau
- B. Trên trước dưới sau
- C. Ngang trước sổ sau
- D. Giữa trước hai bên sau

ANSWER: A

26. Chữ Hán cổ xưa nhất là gì?

- A. Giáp cốt văn
- B. Kim văn
- C. Tiểu triện
- D. Đại triện

ANSWER: A

27. Bộ 火 có nghĩa là gì?

- A. Lửa
- B. Nước
- C. Núi
- D. Hoa, cỏ

ANSWER: A

28. Bộ thủ nào dưới đây có liên qua đến “cái tay”?

- A. 扌
- B. 亅
- C. 斤
- D. 讠

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN: (3 điểm)

1. Các chữ hán sau đây có bao nhiêu nét? (1 điểm)

- Chữ 爱 có (.....) nét
- Chữ 学 có (.....) nét
- Chữ 习 có (.....) nét
- Chữ 汉 có (.....) nét
- Chữ 语 có (.....) nét

2. Trong các chữ hán sau đây, chữ nào là chữ độc thể, chữ nào là chữ hợp thể? (1 điểm)

杯、本、车、木、你、水、说、天、问、休

3. Viết 5 chữ hán tượng hình (1 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		7.0	
Câu 1 – 28	ANSWER: A	0.25	
II. Tự luận		3.0	
Câu 1	- Chữ 爱 có (.....) nét Đáp án: 10 nét - Chữ 学 có (.....) nét Đáp án: 8 nét - Chữ 习 có (.....) nét Đáp án: 3 nét - Chữ 汉 có (.....) nét Đáp án: 5 nét - Chữ 语 có (.....) nét Đáp án: 9 nét	1.0	
Câu 2	- Chữ độc thể: 本、车、木、水、天 - Chữ hợp thể: 杯、你、说、问、休	1.0	
Câu 3	Đáp án (tham khảo): 人、山、土、日、田	1.0	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Người duyệt đề



TS. MAI THU HOÀI

Người ra đề



TS. ÂU TUYÊN DIỆU